TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 03/2025/KDTM-PT
Ngày 11/3/2025
"Tranh chấp hợp đồng tư vấn, thiết kế, cung ứng vật tư, thiết bị, thi công và lắp đặt hệ thống điện mặt trời hòa lưới "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Anh Tuấn.

Các Thẩm phán: 1. Ông Đặng Chí Công;

2. Bà Cao Thị Thanh Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 06 và ngày 11 tháng 3 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2024/TLPT-KDTM ngày 28 tháng 10 năm 2024, về: *"Tranh chấp hợp đồng tư vấn, thiết kế, cung ứng vật tư, thiết bị, thi công và lắp đặt hệ thống điện mặt trời hòa lưới"*.

Do Bản án kinh doanh, thương mại số18/2024/KDTM-ST ngày 28/8/2024 của Toà án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2024/QĐ-PT ngày 12 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần T2. Địa chỉ: A T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Nguyễn T. Địa chỉ: B P, thành phố P, Gia Lai. (Theo giấy ủy quyền số 29/GUQ-A7 ngày 19/9/2022). Có mặt.

- Ông Lê L, sinh năm 1962. Địa chỉ: Tổ D, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Giấy ủy quyền số: 126/GUQ-A7 ngày 19/9/2022). Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần V1. Trụ sở: F D, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức B, sinh năm 1980. Địa chỉ: 4 T, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 12/2022/UQTT ngày 05 tháng 12 năm 2022). Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Công ty TNHH MTV Đ1. Địa chỉ: G L, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Hoàng Thanh S. Chức vụ: giám đốc. Vắng mặt.

4. *Người kháng cáo*: Công ty Cổ phần T2 và Công ty Cổ phần VES

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/6/2020, Công ty Cổ phần Đ2 (nay đổi tên là Công ty Cổ phần T2, sau đây viết thành: Công ty A1) ký kết hợp đồng với Công ty Cổ phần V1 (sau đây viết thành: Công ty V1 hoặc VES) về việc mua bán, tư vấn thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị và lắp đặt hệ thống điện mặt trời hòa lưới trị giá 21.500.000.000 đồng (*Chưa bao gồm VAT*) theo Hợp đồng kinh tế số: 1706/2020/VES-HĐMB, các Phụ lục hợp đồng số 01, 02, 03, 04 cùng ký ngày 29/6/2020, Phụ lục hợp đồng số 05 ngày 07/8/2020 và Phụ lục hợp đồng số 06 ngày 13/8/2020.

Theo điểm b Khoản 3 Điều 3 và Khoản 2 Điều 4 Hợp đồng, tổng thời gian hoàn thiện, cung cấp lắp đặt, hoàn thiện hòa lưới tối đa là 90 ngày kể từ ngày thanh toán đợt 1. Do đó, ngày chậm nhất để hoàn thành lắp đặt là ngày 28/9/2020. Tuy nhiên, Công ty V1 trễ hạn tiến độ thực hiện Hợp đồng. Tại Phụ lục Hợp đồng số 06/1706/VES-HĐMB vào ngày 04/9/2020, Công ty V1 đồng ý chịu phạt do trễ tiến độ và thỏa thuận hai Bên đồng ý gia hạn thời gian hoàn thành các hệ thống đến ngày 20/11/2020.

Hệ thống điện mặt trời mái nhà được lắp đặt tại 04 vị trí và hoàn thành vào tháng 11-12/2020, cụ thể như sau:

- Tại Hội sở ĐLGL (90 L, P) nghiệm thu ngày 25/11/2020, chậm trễ 5 ngày.

- Tại Nhà máy A2 (Khu C, Phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh) nghiệm thu ngày 04/12/2020, chậm trễ 14 ngày.

- Tại Nhà máy Đ3 (Khu công nghiệp T, xã T, Thành phố P) nghiệm thu ngày 11/12/2020, chậm trễ 21 ngày.

- Tại Nhà máy G (Khu công nghiệp T, xã T, Thành phố P) nghiệm thu ngày 12/12/2020, chậm trễ 22 ngày.

Theo Hợp đồng, Công ty T2 đã tạm ứng Đợt 1 cho Công ty V1 là 4,3 tỷ đồng và đã cung cấp chứng thư bảo lãnh (Đ) là 9,7 tỷ đồng, tổng cộng: 14 tỷ đồng. Đồng

thời, sau khi nhận được đề nghị của Công ty V1, Công ty T2 đã tạo điều kiện, thanh toán tiền thuế VAT tương ứng với Đợt 4 là 2.150.0000.0000 đồng, mặc dù theo Hợp đồng thì chưa đến thời hạn thanh toán khoản thuế này. Số tiền phải thanh toán còn lại là 7,5 tỷ đồng, thanh toán sau 12 tháng kể từ ngày hoàn thành lắp đặt hệ thống, được chia thành nhiều lần theo thỏa thuận của các bên.

Sau khi các hệ thống đi vào hoạt động, ngày 05/5/2021, Công ty Đ2 yêu cầu Công ty T2 tháo dỡ bớt 204 tấm pin để đảm bảo công suất đúng với hợp đồng mua bán điện. Vì vậy, Công ty T2 đã cùng Công ty V1 tháo dỡ tổng cộng 216 tấm pin tại Nhà máy đá và Nhà máy gỗ tại Khu công nghiệp T. Công ty T2 xác định việc lắp đặt vượt quá công suất này thuộc lỗi của công ty VES theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 7 của Hợp đồng.

Cuối năm 2021, Công ty T2 thống kê sản lượng thu được năm 2021 là 2.868.731 kWh, thiếu hụt 223.210 kWh so với cam kết của công ty V1 (cam kết sản lượng năm 2021 là 3.236.444 kWh) cụ thể:

- Tại Hội sở ĐLGL sản lượng thiếu hụt là 7.244 kWh;

- Tại Nhà máy đá sản lượng thiếu hụt là 109.498 kWh;

- Tại Nhà máy gỗ sản lượng thiếu hụt là 154.123 kWh;

- Tại Nhà máy A2 là 96.848 kWh;

Từ những vấn đề trên, Công ty T2 nhiều lần yêu cầu VES giải quyết các vấn đề liên quan đến thanh toán, công nợ, và bồi thường sản lượng bị thiếu hụt. Công ty V1 không hợp tác và chỉ cử đội ngũ kỹ thuật kiểm tra hệ thống một lần vào ngày 15/12/2021 mà không giải quyết được vấn đề nào.

Ngày 27/01/2022, Công ty V1 ngắt điện toàn bộ hệ thống điện mặt trời tại 04 địa điểm lắp đặt. Công ty T2 đã gửi đến Công ty V1 các công văn để thông báo các biện pháp để khắc phục hành vi ngắt điện trái phép của VES, đồng thời, yêu cầu VES khắc phục hành vi của mình. Tuy nhiên, Công ty V1 không có bất cứ phản hồi nào về những vấn đề này.

Công ty V1 không có động thái chấm dứt việc ngắt phát điện các hệ thống năng lượng mặt trời, và khẳng định đây là chế tài của hợp đồng là thu hồi tài sản. Vì vậy, Công ty Cổ phần T2 đã ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV Đ1, theo Hợp đồng sửa chữa thiết bị số: 10/HĐSCTB ngày 28/6/2022 để sửa chữa, đóng điện cho các hệ thống điện mặt trời hoạt động trở lại.

Các hệ thống điện năng lượng đã được hoạt động trở lại vào các ngày:

- Hệ thống tại Hội đã được hoạt động trở lại vào ngày 28/06/2022

- Hệ thống tại Nhà máy A2 đã được hoạt động trở lại vào ngày 13/7/2022

- Hệ thống tại Nhà máy đá đã được hoạt động trở lại vào ngày 07/7/2022

- Hệ thống tại Nhà máy gỗ đã được hoạt động trở lại vào ngày 03/7/2022

Công ty TNHH MTV Đ1 đã thực hiện xong công việc theo hợp đồng và các hệ thống điện mặt trời đã hoạt động trở lại. Công ty Cổ phần T2 đã thanh toán cho Công ty TNHH MTV Đ1 1,5 tỷ đồng tiền chi phí sửa chữa theo hợp đồng các bên đã ký.

Vì vậy, Công ty cổ phần T2 khởi kiện:

1. Yêu cầu sửa đổi giá trị hợp đồng sau khi tháo dỡ 216 tấm pin:Giá trị theo hợp đồng là 21.500.000.000 đồng; sau khi tháo dỡ tấm pin còn lại giá trị 20.531.894.934 đồng.Đề nghị điều chỉnh hợp đồng theo giá trị này 20.531.894.934 đồng.

2. Yêu cầu bồi thường thiệt hại do chậm tiến độ:

- Vi phạm từ ngày 28/9/2020 (Thời hạn hoàn thành theo Hợp đồng) đến ngày 20/11/2020 (Thời hạn được gia hạn theo Phụ lục số 06) số tiền yêu cầu bồi thường là 788.615.276 đồng và tiền phạt vi phạm là 63.089.222 đồng.

- Vi phạm từ ngày 20/11/2020 (thời hạn được gia hạn theo Phụ lục số 06) đến ngày nghiệm thu, đưa vào sử dụng số tiền yêu cầu bồi thường là 286.964.925 đồng và tiền phạt vi phạm là 22.957.147 đồng.

3. Bồi thường thiệt hại do sản lượng điện bị thiếu hụt của năm 2021 so với cam kết là 432.580.980 đồng, trong đó:

- Tại Hội sở số tiền bồi thường là 14.038.872 đồng, phạt vi phạm 1.123.110 đồng.

- Tại Nhà máy đá số tiền bồi thường là 72.157.554 đồng, phạt vi phạm 5.772.604 đồng.

- Tại Nhà máy gỗ số tiền bồi thường là 158.693.130 đồng, phạt vi phạm 12.695.450 đồng.

- Tại Nhà máy A3 số tiền bồi thường là 187.691.424 đồng, phạt vi phạm 15.015.314 đồng.

4. Bồi thường thiệt hại do hành vi ngắt điện trái phép từ ngày 27/01/2022 đến ngày hệ thống điện hoạt động trở lại:

4.1. Thiệt hại từ sản lượng điện không thu được:

- Tại Hội sở ĐLGL ngày hệ thống điện hoạt động trở lại 28/6/2022 (152 ngày) thiệt hại là 108.494.848 đồng.

- Tại Nhà máy đá ngày hệ thống điện hoạt động trở lại 07/7/2022 (161 ngày) thiệt hại là 849.436.246 đồng.

- Tại Nhà máy gỗ ngày hệ thống điện hoạt động trở lại 03/7/2022 (157 ngày) thiệt hại là 1.277.265.400 đồng.

- Tại Nhà máy A2 ngày hệ thống điện hoạt động trở lại 13/7/2022 (167 ngày) thiệt hại là 614.960.711 đồng.

4.2. Bồi thường thiệt hại cho việc khắc phục các hệ thống điện mặt trời: 1,5 tỷ đồng tiền chi phí sửa chữa hệ thống.

2. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Ngày 29/6/2020, Công ty V1 và Công ty T2 ký Hợp đồng kinh tế số 1706/2020/VES-HĐMB về việc mua bán, tư vấn thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị và lắp đặt hệ thống điện mặt trời hòa lưới cho 4 công trình. Tổng giá trị hợp đồng là 23.650.000.000 đồng, Công ty T2 đã thanh toán 16.150.000.000 đồng, còn lại 7,5 tỷ đồng chưa thanh toán.

Thực hiện hợp đồng, Công ty V1 hoàn thành việc lắp đặt và nghiệm thu, đưa vào sử dụng như ý kiến của Công ty T2 trình bày.

Qua kiểm tra nội dung hợp đồng, Công ty V1 cho rằng khi ký phụ lục 6 của hợp đồng đã có sự nhầm lẫn, cụ thể:

Ngày 17/7/2020, Công ty V1 nhận được chứng thư bảo lãnh từ H1, theo đó phải bàn giao vật tư chậm nhất là ngày 25/9/2020. Tuy nhiên, do có vấn đề chứng thư bảo lãnh nên ngày 26/8/2020, Công ty V1 thông báo rằng chứng thư bảo lãnh của Công ty T2 cần được cập nhật để có hiệu lực. Do Công ty T2 không chấp thuận ký thỏa thuận 3 bên với ngân hàng để mở LC nhập hàng nên vi phạm điểm b Khoản 2 Điều 8 của Hợp đồng. Theo điểm b Khoản 2 Điều 4 của Hợp đồng, thời gian lắp đặt hệ thống có thể kéo dài đến ngày 24/11/2020 và thời gian tối đa đến ngày 15/12/2020. Công ty V1 hoàn thành nghiệm thu hệ thống vào tháng 11-12/2020. Vì vậy, Công ty V1 không chậm tiến độ thực hiện hợp đồng.

Công ty V1 nhận được chứng thư bảo lãnh ngày 10/8/2020, theo điểm b Khoản 3 Điều 3 của Hợp đồng, trách nhiệm bàn giao vật tư chậm nhất là ngày 20/10/2020. Theo điểm b Khoản 2 Điều 4 của Hợp đồng, thời gian hoàn thành lắp đặt là 60 ngày từ khi bàn giao vật tư, tức đến ngày 20/12/2020. Công ty V1 hoàn thành nghiệm thu vào các ngày 25/11/2020, 04/12/2020, 11/12/2020, và 12/12/2020.

Vì vậy**,** Công ty V1 cho rằng Phụ lục hợp đồng số 06/1706/VES-HĐMB ngày 04/9/2020 có sự nhầm lẫn về tính toán thời gian, do đó yêu cầu tuyên bố Phụ lục hợp đồng này là vô hiệu tại Điều 1 và Điều 4 của phụ lục và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện về bồi thường thiệt hại do chậm tiến độ.

Trong quá trình sử dụng hệ thống điện mặt trời, Công ty T2 thiếu trách nhiệm trong việc quản lý, vận hành, vệ sinh các hệ thống năng lượng mặt trời và thiếu hợp tác với Công ty V1 để kiểm tra, bảo dưỡng các hệ thống năng lượng mặt trời.

Ngày 15/12/2021, qua kiểm tra, Công ty V1 xác định hệ thống năng lượng mặt trời tại nhà máy đá bị bể nhiều tấm pin do tác động từ bên ngoài (đá cắt văng lên làm bể nhiều tấm pin, tình trạng này đã diễn ra từ rất lâu và không xác định được thời gian, do Công ty T2 không thông báo nên không được xử lý kịp thời), bề mặt các tấm pin bị bám bụi rất dày làm ảnh hưởng đến hiệu suất hấp thụ năng lượng và phát điện. Hệ thống năng lượng mặt trời tại nhà máy gỗ bề mặt các tấm pin cũng bị bám bụi rất

dày không được vệ sinh hợp lý, các yếu tố trên gây ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu suất phát điện của hệ thống năng lượng mặt trời (đính kèm theo hình ảnh của hai hệ thống điện mặt trời được đi kiểm tra tại hiện trường).

Sự việc này đã được nhận viên công ty V1 chụp hình. Công ty V1 đã tiến hành lập vi Bằng ngày 30/8/2022 để ghi nhận một số nội dung có được từ các hình ảnh này.

Ngày 29/12/2021, Công ty V1 nhận được văn bản về việc đề nghị hỗ trợ khắc phục sự cố đường dây cáp điện AC năng lượng mặt trời tại nhà máy G tại xã T. Theo đó, Công ty T2 cho biết các dây cáp điện loại CXV bị người ngoài đột nhập và cắt trộm… nên hệ thống năng lượng mặt trời không hoạt động được.

Việc không bảo quản các hệ thống điện nêu trên sẽ ảnh hưởng đến sản lượng của hệ thống.

Công ty V1 thừa nhận tại điểm h khoản 2 Điều 7 hợp đồng, Công ty V1 cam kết sản lượng điện năng do hệ thống tạo ra hằng năm đúng như hồ sơ thuyết minh. Trường hợp sản lượng điện thấp hơn, công ty V1 sẽ bồi thường sản lượng điện thiếu hụt này.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại do sản lượng điện bị thiếu hụt so với cam kết thì công ty V1 không đồng ý vì Công ty V1 chưa tiến hành kiểm tra thực tế để xác định việc thiếu hụt sản lượng là nguyên nhân từ đâu, và sản lượng thiếu hụt do Công ty T2 đưa ra là căn cứ vào đâu. Tại các hệ thống điện mặt trời đều gắn thiết bị Inverrter tích hợp Wifi theo dõi sản lượng điện bằng máy tính, điện thoại. Số liệu của Công ty T2 đưa ra dựa trên sản lượng ghi trên hóa đơn bán điện là không đúng; vì thực tế sản lượng đượng điện sản sinh được sử dụng một phần và phần sản lượng còn lại mới bán theo hợp đồng mua bán điện nên không có căn cứ xác định các con số này là chính xác. Ngoài ra, Công ty T2 không bảo quản các hệ thống điện như đã trình bày nêu trên. Vì vậy, Công ty V1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện này.

Việc cắt giảm số lượng tấm pin là do Điện lực P1 đã yêu cầu Công ty T2 tháo dỡ 204 tấm pin, nhưng do quy tắc kết nối theo chuỗi, cần phải tháo toàn bộ chuỗi gồm 216 tấm pin. Công ty V1 cho rằng đã hoàn thành công việc theo đúng hợp đồng và các quy định hiện hành nên lỗi này thuộc về Công ty T2 nên không đồng ý sửa đổi hợp đồng theo yêu cầu của Alpha S1.

Theo hợp đồng, Công ty T2 phải thanh toán đợt 3 là 7,5 tỷ đồng trong vòng 12 tháng từ ngày hoàn thành lắp đặt. Tuy nhiên, Công ty T2 chưa thanh toán các khoản sau:

- Công trình tòa nhà 90 L: quá hạn từ ngày 25/11/2021, số tiền chưa thanh toán là 328.042.769 đồng.

- Công trình tòa nhà Ansen Q: quá hạn từ ngày 04/12/2021, số tiền chưa thanh toán là 1.486.751.499 đồng.

- Công trình nhà máy Đ3: quá hạn từ ngày 11/12/2021, số tiền chưa thanh toán là 2.279.418.463 đồng.

- Công trình nhà máy gỗ: quá hạn từ ngày 12/12/2021, số tiền chưa thanh toán là 3.405.787.269 đồng.

Vì vậy, Công ty A4 phải chịu tiền lãi từ ngày quá hạn nêu trên đến ngày xét xử, giải quyết vụ án theo mức lãi suất chậm trả là 15,9%/năm.

Công ty V1 đã gửi nhiều lần Thư nhắc nợ, bao gồm Thư nhắc nợ lần cuối vào ngày 27/12/2021, yêu cầu Công ty T2 thanh toán số tiền còn nợ. Tuy nhiên, Công ty T2 không hợp tác và không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Do đó, Công ty T2 đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, không chỉ gây thiệt hại tài chính mà còn ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh của Công ty V1.

Theo Khoản 3 Điều 12 của Hợp đồng, Công ty V1 có quyền áp dụng các chế tài khác theo quy định của pháp luật đối với bên vi phạm.

Theo điểm c Khoản 3 Điều 3 của Hợp đồng, Công ty V1 có quyền thu hồi số lượng thiết bị tương ứng với số tiền chậm thanh toán. Vì vậy, để thực hiện chế tài này, Công ty V1 đã ngắt phát điện các hệ thống năng lượng mặt trời từ ngày 27/01/2022 để tiến hành thu hồi số lượng thiết bị tương ứng với số tiền chậm thanh toán.

Công ty V1 được quyền thu hồi số lượng thiết bị tương ứng với số tiền chậm thanh toán cùng với khoản lãi của tháng chậm trả. Cụ thể số thiết bị thu hồi gồm: thu hồi 38 Inverter tại 04 hệ thống, trong đó 07 cái ở Tòa nhà A; 02 cái ở Tòa nhà I L; 11 cái ở Nhà máy đá; 18 cái ở Nhà máy gỗ. Chi tiết được liệt kê trong các Phụ lục Hợp đồng số 01, 02, 03 và 04 được ký kết ngày 29 tháng 06 năm 2020, giá trị còn lại của tài sản tại thời điểm tính toán là 2.113.806.037 đồng đã trừ khấu hao.

Công ty T2 khai thác sản lượng điện và hưởng doanh thu nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, gây thiệt hại nghiêm trọng cho Công ty V1.

Việc ngắt phát điện và thu hồi thiết bị là biện pháp bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty V1 theo hợp đồng và phù hợp với quy định của Luật Thương mại năm 2005 và Bộ luật Dân sự năm 2015, phù hợp với thông lệ trong hoạt động mua bán.

Từ những nội dung được nêu ở trên, Công ty Cổ phần V1 yêu cầu Tòa án giải quyết các yêu cầu phản tố:

1. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Alpha S1.

2. Buộc Công ty T2 có nghĩa vụ trả cho Công ty V1 số tiền còn nợ đợt 3 là 7,5 tỷ đồng.

3. Buộc Công ty T2 có nghĩa vụ trả cho Công ty V1 tiền lãi do chậm thanh toán theo Điều 12 của Hợp Đồng tính đến ngày xét xử số tiền 3.905.704.624 đồng.

4. Buộc Công ty T2 có nghĩa vụ trả cho Công ty V1 khoản tiền phạt do vi phạm Hợp Đồng, mức phạt là 8% giá trị Hợp Đồng bị vi phạm, với tổng số tiền là 7,5 tỷ đồng x 8% = 600.000.000 đồng.

Tổng số tiền yêu cầu là 12.005.704.624 đồng.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên uan là* Công ty TNHH MTV Đ1 *có ý kiến trình bày:*

Ngày 28/5/2022, Công ty TNHH MTV Đ1 (sau đây gọi là công ty Đ1) đã ký kết với Công ty CP T2 hợp đồng sửa chữa thiết bị số: 10/HĐSCTB, theo đó Công ty đã tiến hành tháo về và sửa chữa sau đó lắp đặt lại 38 inverter đang ở tình trạng không vận hành được, thuộc sở hữu của Công ty T2 cụ thể như sau:

1. Hội sở Công ty Cổ phần Đ2: Số lượng 02 cái, trong đó: 01 cái công suất 50kW; 01 cái công suất 33kW.

2. Nhà máy chế biến đá tại Lô E Khu Công nghiệp T, xã T, thành phố P, tỉnh Gia Lai: Số lượng 11 cái, trong đó: 03 cái công suất 50 kW; 08 cái công suất 60 kW.

3. Nhà máy chế biến đá tại Lô E Khu Công nghiệp T, xã T, thành phố P, tỉnh Gia Lai: Số lượng 18 cái, trong đó: C1 cái công suất 11 kW, 12 cái công suất 50 kW, 05 cái công suất 60 kW.

4. Tòa nhà AnSen tại Khu công nghệ cao, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh: Số lượng 07 cái công suất 60 kW.

Công ty Đ1 đã thực hiện việc tháo lắp tất cả các Inverter trên, vận chuyển về trụ sở Công ty để sữa chữa. Sau khi kiểm tra, các Inverter trên bị lỗi các board mạch, Công ty Đ1 đã tiến hành chạy lại phần mềm các board mạch bị lỗi khóa trên. Sau khi tiến hành chạy lại phần mềm các board mạch thì toàn bộ các Inverter trên hoạt động lại bình thường. Sau đó, Công ty Đ1 tiến hành vận chuyển lại tới các địa điểm trên để lắp đặt và hiệu chỉnh, đưa các Inverter hoạt động trở lại như cũ. Sau khi hoàn thành việc sửa chữa, hai bên đã tiến hành nghiệm thu, thanh lý và thanh toán hợp đồng số tiền là 1,5 tỷ đồng.

Việc ký kết hợp đồng sửa chữa thiết bị giữa Công ty Đ1 với Công ty T2 là phù hợp với pháp luật hiện hành. Công ty Đ1 có đủ chức năng và năng lực để thực hiện việc sửa chữa các Inverter.

Đối với tranh chấp giữa Công ty T2 và Công ty V1, Công ty Đ1 không có ý kiến gì.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 18/2024/KDTM-ST ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã quyết định như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần T2.

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại do chậm tiến độ, buộc Công ty Cổ phần V1 phải trả cho Công ty Cổ phần T2 số tiền 373.651.585 đồng, gồm:

- Tiền phạt 63.739.513 đồng do chậm tiến độ vi phạm từ ngày 28/9/2020 đến ngày 20/11/2020.

- Số tiền 309.922.072 đồng, trong đó: Tiền bồi thường là 289.504.412 đồng và tiền phạt là 23.160.353 đồng do chậm hoàn thành lắp đặt hệ thống từ 20/11/2020 đến ngày nghiệm thu, đưa vào sử dụng hệ thống điện mặt trời.

Không chấp nhận yêu cầu bồi thường 788.615.276 đồng do chậm tiến độ vi phạm từ ngày 28/9/2020 đến ngày 20/11/2020.

1.2. Buộc Công ty Cổ phần V1 phải bồi thường cho Công ty Cổ phần T2 số tiền chênh lệch sản lượng năm 2021 là 217.868.720, trong đó: Số tiền bồi thường thiệt hại 201.730.296 và tiền phạt 16.138424 đồng; không chấp nhận phần yêu cầu bồi thường chênh lệch sản lượng năm 2021 là 249.318.739 đồng.

1.3. Buộc Công ty Cổ phần V1 phải bồi thường cho Công ty Cổ phần T2 thiệt hại do hành vi ngắt hoạt động của các Hệ thống ĐMTMN từ ngày 27/01/2022 đến ngày hệ thống điện hoạt động trở lại số tiền 4.350.157.204 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty Cổ phần V1.

2.1. Buộc Công ty Cổ phần T2 phải thanh toán cho Công ty Cổ phần V1 số tiền thanh toán đợt 3 là 7,5 tỷ đồng.

2.2. Buộc Công ty Cổ phần T2 có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần V1 tiền lãi do chậm thanh toán tính đến ngày xét xử số tiền 2.517.885.852 đồng; không chấp nhận phần yêu cầu về tiền lãi 1.387.818.772 đồng.

2.3. Buộc Công ty Cổ phần T2 phải trả cho Công ty Cổ phần V1 số tiền phạt do vi phạm hợp đồng là 600.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, quyền yêu cầu thi hành án và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo:

Kháng cáo của nguyên đơn Công ty Cổ phần T2*:*

Ngày 10/9/2024, Công ty Cổ phần T2 (sau đâyviết tắt là Công ty T2 hoặc A7) kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, theo hướng:

Thứ nhất: Xác định lại giá trị hợp đồng.

Thứ hai: Yêu cầu Công ty cổ phần V1 (sau đây viết tắt Công ty V1 hoặc VES) bồi thường do chậm tiến độ giai đoạn 1, từ ngày 28/9/2020 đến ngày 20/11/2020.

Thứ ba: Về việc buộc Alpha S1 trả cho VES tiền lãi chậm thanh toán và phạt do việc chậm thanh toán; yêu cầu Tòa phúc thẩm:T1 bác toàn bộ việc tính tiền lãi do chậm thanh toán và lãi suất chậm trả liên ngân hàng (12,8%) đối với khoản chậm thanh toán số tiền 7,5 tỷ đồng theo yêu cầu của VES;

Thứ tư: Yêu cầu Tòa phúc thẩm tuyên bác việc phạt chậm thanh toán củasố tiền 7,5 tỷ đồnglà 600.000.000 đồng đối với Alpha S1.

Kháng cáo của Công ty Cổ phần V1:

Ngày 06/9 và ngày 12/9/2024,Công ty Cổ phần V1 kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo:

Toà án sơ thẩm tính sai thời gian tính lãi và áp dụng mức lãi suất chậm thanh toán không đúng quy định tại Điều 306 Luật thương mại 2005 và Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP-TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm gây thiệt hại cho VES. Cụ thể:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu tính lãi chậm thanh toán của VES (có bảng tính lãi chậm trả kèm theo) theo mức lãi suất chậm thanh toán áp dụng là 15,90%/năm và thời gian tính lãi chậm thanh toán đến ngày xét xử phúc thẩm và cho đến khi thi hành án xong toàn bộ số tiền mà VES được chấp nhận;tại phiên tòa phúc thẩm, V rút yêu cầu này.

Tuyên vô hiệu Phụ lục Hợp đồng kinh tế về việc mua bán, tư vấn thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị và lắp đặt hệ thống điện mặt trời hoà lưới số 06/1706/VES-HĐMB ngày 04/9/2020.

Không chấp nhận yêu cầu bồi thường của Alpha S1 đối với VES số tiền là 1,5 tỷ đồng.

Không chấp nhận phần Alpha Seven yêu cầu VES bồi thường tiền chênh lệch sản lượng điện năm 2021 là 249.318.739 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố và rút một phần yêu cầu kháng cáo, rút phần yêu cầu tính lãi.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định lại giá trị hợp đồng (chấp nhận 216 tấm pin); chấp nhận bồi thường do chậm tiến độ 788.615.276 đồng;không chấp nhận phạt vi phạm hợp đồng theo yêu cầu của bị đơn;yêu cầu tính lại phần lãi chậm trả theo mức lãi suất cho vay đối với doanh nghiệp và không áp dụng lãi suất chậm trả mà áp dụng lãi suất trung bình tại thời điểm xét xử sơ thẩm;

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Công ty V1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Các đương sự đều thừa nhận việc giao kết, thực hiện Hợp đồng số 1706/2020/VES-HĐMB về việc mua bán, tư vấn thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị và lắp đặt hệ thống điện mặt trời hoà lưới và các Phụ lục Hợp đồng số 01, 02, 04, 05, 06 kèm theo. Tuy nhiên, Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp *"Tranh chấp hợp đồng xây dựng"* là không đúng, vì vậy, Tòa án phúc thẩm xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là*"Tranh chấp hợp đồng mua bán, tư vấn thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị và lắp đặt hệ thống điện mặt trời hoà lưới ".*

[1.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty TNHH MTV Đ1 do bà Hoàng Thanh S là người đại diện theo pháp luật đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự này.

[1.3]. Các hệ thống điện năng lượng mặt trời được hoàn thành vào tháng 11-12/2020. Cụ thể như sau:

- Tại Hội (ĐLGL) số 90 L, thành phố P, tỉnh Gia Lai nghiệm thu ngày 25/11/2020.

- Tại Nhà máy A2, địa chỉ: Khu C, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh nghiệm thu ngày 04/12/2020.

- Tại Nhà máy đá thuộc Khu công nghiệp X, thành phố P, tỉnh Gia Lai nghiệm thu ngày 11/12/2020.

- Tại Nhà máy gỗ thuộc Khu công nghiệp X, thành phố P, tỉnh Gia Lai nghiệm thu ngày 12/12/2020.

Tổng giá trị Hợp đồng đã bao gồm thuế giá trị gia tăng là 23.650.000.000 đồng. Alpha Seven đã thanh toán cho VES số tiền 16.150.000.000 đồng/23.650.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 7,5 tỷ đồng được các bên thoả thuận sau 13 tháng kể từ ngày nghiệm thu phải thanh toán cho nhau sau khi tính toán lại các nghĩa vụ mà các bên phải bù trừ gồm: Điều chỉnh lại giá trị Hợp đồng sau khi tháo dỡ 216 tấm pin, các khoản tiền thiệt hại và phạt vi phạm Hợp đồng về chậm tiến độ.Do không thương lượng được các khoản bù trừ, ngày 27/01/2022 VES ngắt hoạt động toàn bộ hệ thống điện mặt trời tại 04 địa điểm lắp đặt nêu trên với lý do Alpha S1 không thanh toán số tiền 7,5 tỷ đồng còn lại cho VES. Căn cứ Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự thì các tình tiết, sự kiện nêu trên không phải chứng minh.

[2] Về nội dung: Kháng cáo của Công ty T2:

[2.1] Đối với yêu cầu xác định lại giá trị Hợp đồng 1706:

Tại Điều 1.1 HĐ 1706 mà hai bên đã ký kết có nội dung như sau: *"Bên Bán đồng ý bán, tư vấn thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị,thi công lắp đặt hệ thống điện mặt trời hòa lưới"*

Điều 7.2.(c) Hợp đồng 1706 thể hiện: *"Bên Bán phải cung cấp cho Bên Mua tất cả các giấy phép, bao gồm giấy phép đấu nối và hợp đồng mua bán điện, bằng cấp, kết quả thí nghiệm, hồ sơ chất lượng, giấy ủy quyền, giấy đồng ý, chấp nhận và cho phép của cơ quan chức năng có thẩm quyền và theo đúng quy định của pháp luật để đảm bảo hoàn tất nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng";*

Điều 7, quyền và nghĩa vụ của bên bán:

"e. Thi công, lắp đặt theo đúng thiết kế được duyệt và hồ sơ thuyết minh báo giá ban đầu.

g. Thi công hoàn thiện hệ thống, kể cả lắp đặt công tơ điện 2 chiều và đóng điện với Điện lực".

Theo các điều khoản đã ký kết nêu trên thì nghĩa vụ của VES phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tư vấn, thiết kế, cung ứng vật tư, thi công và lắp đặt để vận hành hệ thống điện mặt trời hoà lưới. Mặc dù tháng 11 và tháng 12 năm 2020 nguyên đơn đã ký biên bản nghiệm thuvới Công ty Cổ phần V1 (viết tắt là "VES") và các biên bản nghiệm thu với Điện lực Pleiku, đồng thời ký hồ sơ với đơn vị thi công là Công ty TNHH MTV M (viết tắt là Minh Mạnh P) nhưng số lượng các tấm pin và công suất pin được lắp đặt theo đúng như VES tư vấn, thiết kế nêu tại Phụ lục hợp đồng số 06/1706/VES-HĐMB (viết tắt là "PLHĐ số 06"). Cụ thể: Tại Nhà máy đá: 1.463 tấm, công suất 672,98 kWp; Nhà máy gỗ: 2.194 tấm, công suất 1.009,24 kWp. Tuy nhiên, theo biên bản nghiệm thu giữa Điện lực Pleiku với Alpha S1 và Minh Mạnh P, số lượng các tấm pin và công suất pin được lắp đặt đã giảm xuống, chỉ còn lại: Nhà máy đá: 1.355 tấm, công suất 623,3 kWp (giảm 108 tấm pin và 49,68 kWp); Nhà máy gỗ: 2.086 tấm, công suất 959,56kWp (giảm 108 tấm pin và 49,68 kWp).

Tuy hệ thống điện mặt trời đã đưa vào sử dụng tháng 11 và 12 năm 2020, nhưng đến ngày 05/5/2021 Công ty Đ2 đã tiến hành kiểm tra thực tế hệ thống điện mặt trời tại nhà máy đá và nhà máy G, xác định có lắp đặt số tấm pin nhiều hơn so với hợp đồng trước đó mà nguyên đơn đã ký với Điện lực Đ2 và đề nghị điều chỉnh số lượng tấm pin cho phù hợp. Đến ngày 26/5/2021, VES và A7 đã thống nhất tháo dỡ 216 tấm pin tại nhà máy đá và nhà máy G, vì vậy, thực tế A7 chỉ sử dụng tại nhà máy đá 1.355 tấm pin và nhà máy gỗ 2.086 tấm pin (thấp hơn so với Phụ lục 06 là 216 tấm pin). Hồ sơ vụ án thể hiện, sau khi hai bên đã tháo dỡ các tấm pin, A7 đã nhiều lần gửi văn bản cho VES để hai bên xem xét lại giá trị hợp đồng1706, điều đó được thể hiện tại các Công văn số 163/A7-VP ngày 01/12/2021, Công văn số 179/A7-VP ngày 30/12/2021, Công văn số 169/A7-VP ngày 06/12/2021, Công văn số 12/A7-VP ngày 21/01/2022 và Công văn số 61/A7-VP ngày 31/3/2022, nhưng đều không có kết quả.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 420 Bộ luật Dân sự năm 2015: "*2.Trong trường hợp hoàn cảnh thay đổi cơ bản, bên có lợi ích bị ảnh hưởng có quyền yêu cầu bên kia đàm phán lại hợp đồng trong một thời hạn hợp lý*". Trong trường hợp này được xác định hoàn cảnh có thay đổi do tháo dỡ 216 tấm pin và nguyên đơn có yêu

cầu bị đơn đàm phán lại hợp đồng như đã phân tích nêu trên nhưng không có kết quả. Và Đ b khoản 3 Điều 420 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "*Trường hợp các bên không thể thỏa thuận được về việc sửa đổi hợp đồng trong một thời hạn hợp lý, một trong các bên có thể yêu cầu Tòa án: …..b) Sửa đổi hợp đồng để cân bằng quyền và lợi ích hợp pháp của các bên do hoàn cảnh thay đổi cơ bản*". Như vậy, nguyên đơn yêu cầu xác định lại giá trị hợp đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Mặc dù vậy, nguyên đơn yêu cầu giảm từ 21.500.000.000 đồng xuống còn 20.531.894.934 đồng (chênh lệch 968.105.000 đồng) là căn cứ vào công suất thực tế sau khi tháo dỡ 216 tấm pin là chưa phù hợp bởi lẽ: Theo phục lục hợp đồng số 03 và 04 thì đơn giá của tấm pin là 2.866.000 đồng/tấm (tương ứng với 619.056.000 đồng) nên chỉ chấp nhận giá trị còn lại của hợp đồng 1706 là 20.880.944 đồng (21.500.000.000 đồng-619.056.000 đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn khai rằng sau khi tháo dỡ các tấm pin nhưng bị đơn không đồng ý nhận lại nên nguyên đơn đã lưu kho. Trong trường hợp Tòa án chấp nhận xác định lại giá trị hợp đồng thì đề nghị Tòa án cấn trừ giá trị tấm pin vào nghĩa vụ mà nguyên đơn còn phải thực hiện đối với bị đơn, đồng thời nguyên đơn đồng ý trả lại 216 tấm pin cho bị đơn. Do có căn cứ xác định lại giá trị của hợp đồng 1706 nên bù trừ vào nghĩa vụ còn lại của nguyên đơn và ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc trả lại 216 tấm pin.

[2.2]. Về yêu cầu VES bồi thường do chậm tiến độ giai đoạn 1, từ ngày 28/9/2020 đến ngày 20/11/2020:

Theo Điều 4.2.(b) Hợp đồng 1706 thì: "*Tổng thời gian thực hiện hoàn thiện phần cung cấp, lắp đặt thiết bị hoàn thiện hòa lưới của Hợp đồng là: 60 ngày và được chậm trễ tối đa 30 ngày. Kể từ ngày 91, nếu chậm trễ 1 ngày thì Bên Bán sẽ bị phạt theo điều khoản phạt tại Điều 12 khoản 1 của Hợp đồng, nhưng không được chậm quá 30 ngày. Quá thời hạn trên (120 ngày), nếu Bên Bán vẫn chưa hoàn thiện việc cung cấp, lắp đặt thiết bị và đóng điện hệ thốngthì:*

…- Trường hợp việc chậm trễ do nguyên nhân chủ quan của Bên Bán thì hai Bên sẽ tiến hành thanh lý HĐ…";

Hợp đồng 1706 xác lập ngày 29/6/2020, tổng thời gian thực hiện hợp đồng là 60 ngày, được chậm trễ tối đa là 30 ngày. Thời hạn thực hiện hợp đồng đã được hai bên xác định cụ thể,theo đó, thời điểm bắt đầu ngày 29/6/2020 và thời điểm kết thúc là ngày 28/9/2020 (kể cả thời gian chậm 30 ngày). Lẽ ra, đến ngày 28/9/2020 mới hết hạn thực hiện hợp đồng, nhưng đến trước ngày hết hạn (trước ngày 28/9/2020),VES nhận thấy không thể hoàn thành hợp đồng đúng tiến độ theo điều khoản đã ký kết, nên ngày 04/9/2020 hai bên đã tiếp tục thỏa thuận ký Phụ lục Hợp đồng 06, theo đó, bị đơn đã thừa nhận trách nhiệm trong Phụ lục 06 như sau: "*.. Bên Bán đã cơ bản lắp đặt hoàn thành hệ thống giàn khung kèo, rail nhôm và máng cáp tại 4 địa điểm theo PLHĐ số 01, 02, 03, 04. Tuy nhiên, do gặp khó khăn trong cung ứng vật tư, thiết bị lắp đặt cho các côngtrình, dẫn đến Bên Bán chậm trễ tiến độ hoàn thành trong vòng*

*tối đa 90 ngày theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng".*Và thừa nhận tại Điều 1 PLHĐ 06: *" Bên Bán đồng ý chịu phạt vi phạm Hợp đồng do chậm trễ tiến độ theo các điều khoản hợp đồng đã ký kết. Hai bên sẽ thống nhất mức phạt cụ thể sau khi các Hệ thống điện năng lượng mặt trời hòa lưới đã hoàn thành việc lắp đặt và nghiệm thu đưa vào sử dụng".*Như vậy, tại thời điểm xác lập PLHĐ 06 VES đã đồng ý phạt vi phạm hợp đồng do chậm tiến độ.

Bên cạnh đó, Điều 4 PLHĐ 06 các bên còn thỏa thuận: "*Ngoài các nội dung thay đổi, bổ sung tại Phụ lục HĐ này và các nội dung khác của HĐ có liên quan đến việc gia hạn HĐ, các điều khoản khác của HĐ 1706 vẫn giữ nguyên giá trị".*Vàtại Điều 12.2 HĐ 1706: "*Nếu Bên nào vi phạm nghĩa vụ của mình nêu tại HĐ hoặc theo quy định của pháp luật mà gây thiệt hại cho bên bị vi phạm thì bên bị vi phạm có quyền yêu cầu bên vi phạm BTTH. Giá trị BTTH bao gồm: giá trị tổn thất thực tế, trực tiếp mà bên bị vi phạm phải chịu do bên vi phạm gây ra và khoản lợi trực tiếp mà bên bị vi phạm đáng lẻ được hưởng nếu không có hành vi bi phạm".* Do đó, giai đoạn 1 từ ngày VES phải hoàn thành việc lắp đặt hệ thống quy định tại Điều 4.2.(b) HĐ 1706 là ngày 28/9/2020. Tuy nhiên, do lỗi chậm tiến độ của VES, hai bên đã ký PLHĐ 06 gia hạn đến ngày 20/11/2020 nên thời gian chậm tiến độ là 52 ngày nên VES phải chịu bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm HĐ 1706 cho A5 theo đúng các điều khoản đã cam kết được viện dẫn nêu trên.

Tòa án sơ thẩm đã xem xét đến việc phạt vi phạm trong giai đoạn 1 và buộc VES phải trả cho A5 63.089.222 đồng, nhưng không buộc bồi thường do chậm tiến tiến độ trong giai đoạn 1 là mâu thuẫn, không đúng theo thỏa thuận của các bên, vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về bồi thường thiệt hại và phạt hợp đồng trong giai đoạn 1, cụ thể được tính như sau:

Vi phạm từ ngày 28/9/2020 (Thời hạn hoàn thành theo Hợp đồng) đến ngày 20/11/2020 (Thời hạn được gia hạn theo Phụ lục số 06).

- Hội sở 15.280* 1940 = 29.643.976 đồng

- Nhà máy đá 121.440 * 1.943 đồng/kWh=235.959.280,1 đồng

- Nhà máy gỗ 181.886 * 1.946 đồng/kWh=353.951.323,6 đồng

- Nhà máy A6 * 1.853 đồng/kWh=169.060.308 đồng

Như vậy, giai đoạn 1 có 788.615.276 đồng (bồi thường thiệt hại) và 63. 089.222 đồng (phạt hợp đồng).

Cùng liên quan đến PLHĐ số 06, VES cho rằng Phụ lục này vô hiệu tại nội dung của Điều 1 và Điều 2 do có sự nhầm lẫn trong việc tính toán thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của H đồnglà không có căn cứ nên Toà án sơ thẩm không chấp nhận là đúng pháp luật.

[2.3]. Kháng cáo của nguyên đơnvề việc không chấp nhận trả tiền lãi chậm thanh toán(12,8%) của số tiền 7,5 tỷ đồng, yêu cầu Tòa án phúc thẩm tuyên bác toàn bộ lãi suất của số tiền chậm trả.

Theo Điều 3(c) HĐ 1706: *"Đợt 3: Trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày hoàn thành lắp đặt hệ thống điệnmặt trời áp mái và thử tải hệ thống, bàn giao hệ thống lắp đặt, đưa vào sử dụng, BênMua thanh toán cho Bên Bán số tiền còn lại (chưa bao gồm thuế GTGT) là:7.500.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Bảy tỷ năm trăm triệu đồng), chia thành nhiều lầntheo sự thống nhất của hai Bên.*

Bên Mua được chậm thanh toán đợt 3 tối đa là 30 (ba mươi) ngày và Bên Mua sẽphải trả cho Bên Bán lãi suất Ngân hàng tính trên số tiền chậm thanh toán kể từ thờiđiểm chậm thanh toán";

Như vậy, theo hợp đồng, nguyên đơn phải thanh toán cho bị đơn số tiền còn nợ trong vòng 12 tháng, đồng thời được chậm thanh toán tối đa là 30 ngày, theo đó, thời hạn thanh toán tối đa không được vượt quá 13 tháng, kể từ ngày hoàn thành lắp đặt hệ thống (ngày nghiệm thu). Hồ sơ vụ án thể hiện,Công ty T2 còn phải thanh toán đợt 3 là 7,5 tỷ cho Công ty V1, cụ thể:

- Hội sở 90 L, P: hoàn thành ngày 25/11/2020; ngày bắt đầu tính lãi 25/12/2021, số tiền chưa thanh toán là 328.042.769 đồng.

- Tòa nhà Ansen Q: hoàn thành ngày 04/12/2020; ngày bắt đầu tính lãi 04/01/2022, số tiền chưa thanh toán là 1.486.751.499 đồng.

- Nhà máy đá: hoàn thành ngày 11/12/2020; ngày tính lãi 11/01/2022, số tiền chưa thanh toán là 2.279.418.463 đồng.

- Nhà máy gỗ: hoàn thành ngày 12/12/2020; ngày tính lãi 12/01/2022, số tiền chưa thanh toán là 3.405.787.269 đồng.

Tổng cộng: 7,5 tỷ đồng.

Ngoài sự thỏa thuận về thời gian thanh toán hợp đồng, các bên còn thỏa thuận về việc trả lãi theo lãi suất ngân hàng tại HĐ 1706, nhưng không thỏa thuận lãi suất của ngân hàng nào. Tuy vậy, đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại, các bên đều có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận, vì vậy, căn cứ theo Điều 306 Luật thương mại năm 2005 để áp dụng tính lãi.

Tòa án sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 12,8%/năm trên cơ sở lãi suất trung bình của 3 ngân hàng là: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ4, Ngân hàng N và Ngân hàng thương mại cổ phần N1 là không đúng theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết 01 về lãi suất mà phải áp dụng lãi suất quá hạn trung bình của Ngân hàng N, Ngân hàng thương mại cổ phần N1, Ngân hàng thương mại cổ phần C. Theo đó, lãi suất của các ngân hàng này lần lượt là 7%; 6,5% và 6,7%. Lãi suất trung bình là 6,73 % và lãi suất quá hạn là 150%; từ đó xác định lãi suất nợ trung bình quá hạn được áp dụng đối với số tiền chậm trả là 10,095%/năm.

Mặc dù vậy, trước thời hạn phải thanh toán thì hai bên phải xem xét lại các vấn đề cần phải khấu trừ các nghĩa vụ theo đúng thoả thuận tại HĐ 1706 và các Phụ lục kèm theo, bao gồm:

- Giảm trừ giá trị Hợp đồng sau khi dỡ bỏ 216 tấm pin: 619.056.000 đồng.

- Tiền phạt vi phạm Hợp đồng và bồi thường thiệt hại do vi phạm tiến độthi công (giai đoạn 1 từ ngày 29/6/2020 đến ngày 28/9/2020): 63.089.222 đồng + 788.615.276 đồng = 851.704.498 đồng.

- Bồi thường và phạt chậm tiến độ giai đoạn 2: 312.664.765 đồng

- Bồi thường thiệt hại do chênh lệch sản lượng năm 2021: 217.868.720 đồng.

Tổng cộng: 2.001.293.983đồng.

Như vậy, sau khi giảm trừ các nghĩa vụ của VES thì tổng số tiền mà A5 còn phải thanh toán là: 7.500.000.000 đồng –2.001.293.983 đồng= 5.498.706.017 đồng.Nghĩa vụ thanh toán của nguyên đơn sau 13 tháng, kể từ ngày các bên ký biên bản nghiệm thu, nhưng các công trình đã được nghiệm thu vào các ngày khác nhau, số tiền phải trả theo từng đợt nghiệm thu cũng khác nhau và số tiền được khấu trừ vào các nghĩa vụ mà VES phải thực hiện cũng khác nhau. Do đó, để cân bằng lợi ích của hai bên, cần xác định thời điểm tính lãi làngày 26/12/2021, ngày nguyên đơn chậm trả theo thỏa thuận trong hợp đồng đến ngày xét xử sơ thẩm 28/8/2024. Cụ thể được tính: 5.498.706.017 đồng x 10.095%/365 ngày x 973 ngày = 1.479.744.724 đồng.

[2.4] Về tiền phạt do vi phạm HĐ 1706 (Lỗi chậm thanh toán số tiền 7, 5 tỷ đồng):

Tại khoản 1 và khoản 2 Điều 12 HĐ 1706 quy định: *"1. Nếu Bên nào (Bên Bán, Bên Mua) vi phạm nghĩa vụ của mình nêu tại Hợp đồng tại điều 4 thì bên bị vi phạm có quyền yêu cầu bên vi phạm trả một khoản tiền phạt do vi phạm Hợp đồng. Mức phạt là 8% giá trị bị thiệt hại, trừ các trường hợp miễn trách nhiệm theo Điều 294 Luật Thương mại".*

Bản án sơ thẩm xác định Công ty T2 phải chịu phạt 600.000.000 đồng do vi phạm nghĩa vụ thanh toán là chưa phù hợp bởi trước thời hạn phải thanh toán 7,5 tỷ thì đã xảy ra việc VES phải tháo dỡ 216 tấm pin theo yêu cầu của Điện lực P1 mà lỗi này thuộc về bị đơn, đồng thời VES đã thừa nhận lỗi do chậm tiến độ tại PLHĐ số 06 ngày 04/9/2021 vàđồng ý chịu phạt vi phạm hợp đồng do chậm tiến độ. Vì vậy, trước thời điểm tháng 01/2022 (thời điểm thanh toán đợt 3) thì VES phải thực hiện nghĩa vụ của mình nhưng không thực hiện cho dù Alpha S1 đã gửi cho VES các văn bản: Công văn số 163/A7-VP ngày 01/12/2021, Công văn số 179/A7-VP ngày 30/12/2021, Công văn số 169/A7-VP ngày 06/12/2021, Công văn số 12/A7-VP ngày 21/01/2022, để đề nghị hai bên gặp nhau thống nhất các nội dung giảm trừ trước khi Công ty T2 thanh toán cho Công ty V1, nhưng đều không được VES chấp nhận.Theo quy định tại khoản 2 Điều 411 Bộ luật Dân sựnăm 2015 quy định về quyền hoãn thực

hiện nghĩa vụ trong hợp đồng song vụ: *"2.Bên phải thực hiện nghĩa vụ sau có quyền hoãn thực hiện nghĩa vụ đến hạn nếu bên thực hiện nghĩa vụ trước chưa thực hiện nghĩa vụ của mình khi đến hạn"*.Theo quy định, VES chưa thực hiện xong nghĩa vụ của mình khi đến hạn nên A7 có quyền hoãn việc thực hiện nghĩa vụ. Bên cạnh đó, điểm a và điểm c, khoản 1 Điều 294 Luật Thương mại năm 2005, quy định bên vi phạm hợp đồng được miễn trách nhiệm trong các trường hợp: *"Xảy ra trường hợp miễn trách nhiệm mà các bên đã thỏa thuận"và "Hành vi vi phạm của một bên hoàn toàn do lỗi của bên kia"*. Vì vậy, Alpha Seven được quyền miễn trừ toàn bộ nghĩa vụ, không phải chịu phạt hợp đồng do chưa thanh toán; điều đó cũng phù hợp với thỏa thuận của các bên tại khoản 9.4 Điều 12 Hợp đồng 1706 về miễn trừ trách nhiệm.

Ngoài ra, xem xét tổng thể của quá trình thực hiện hợp đồng thấy rằng: VES chưa bàn giao đầy đủ quyền sở hữu hệ thống điện mặt trời cho Alpha S1 là quyền truy cập phần mềm (A) điều khiển hệ thống từ xa và sau đó sử dụng phần mềm này tự ý đơn phương ngắt điện trên toàn bộ hệ thống của Alpha S1 gây ảnh hưởng đến quyền lợi nguyên đơn trong khai thác, sử dụng nguồn điện. Do vậy, hành vi vi phạm nghĩa vụ thanh toán của Alpha S1 được miễn trừ do các lỗi của VES đã xảy ra trước đó và VES có lỗi nhiều hơn nên không phạt do vi phạm hợp đồng đối với A7.

Xét kháng cáo của Công ty Cổ phần V1:

[3]. Về việc không đồng ý lãi suất chậm thanh toán là 12,8%/năm: Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn rút kháng cáo đối với phần này, đồng thời nguyên đơn có kháng cáo liên quan đến việc tính lãi suất nên đã nhận định như trên.

[4]. Về việc không vi phạm tiến độ HĐ 1706: Như đã phân tích nêu trên, bị đơn đã vi phạm tiến độ thực hiện hợp đồng nên không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[5]. Về việc không đồng ý bồi thường thiệt hại sửa chữa invester do ngắt điện là 1,5 tỷ đồng bởi theo các biên bản xem xét của Tòa án sơ thẩm thì các invester vẫn không thay đổi hoặc sửa chữa; nếu có thay đổi thì tài sản này vẫn thuộc quyền sở hữu của V. Thấy rằng:

Khi xảy ra việc VES ngắt điện toàn bộ hệ thống, A7đã yêu cầu VES bảo hành và yêu cầu VES khắc phục hành vi vi phạm, nếu VES không thực hiện thì A7sẽ tự tìm cách khắc phục, theo đó, nguyên đơn đã gửi các văn bản: Công vănsố 23/A7-VP ngày 27/01/2022; Công văn số 25/A7-VP ngày 29/01/2022; Công văn số 26/A7-VP ngày08/02/2022. Đồng thời, khi tranh chấp xảy ra, tại các Biên bản hòa giải tại Tòa án nhân dân Thành phố Pleikuvào ngày 12/5/2022 và ngày 18/5/2022, A7 đã yêu cầuVES khắc phục ngắt điện toàn bộ hệ thống, nếukhông thì A7 sẽ tự khắc phục. Như vậy, trước khi tiến hành sửa chữa các invester,A7 đã nhiều lần thông báo và yêu cầu VES khắcphục, nhưng phía VES vẫn không thực hiện nên A7 đã tiến hành sửa chữa các invester là hoàn toàn phù hợp. Việc sửa chữa các invester mà A7 thực hiện,

phù hợp với khoản 3 Điều 6 Hợp đồng 1706: *"Nếu Bên Bán không tiến hành thay mới Vật tư thiết bị hoặckhông tiến hành bảo hành hàng hóa trong thời hạnnêu trên thì Bên Bán có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộcác khoản tiền liên quan đến mua và thay thế Vật tưthiết bị bị hư hỏng trong vòng 10 (Mười) ngày kể từngày nhận được yêu cầu của Bên Mua và bồi thườngcác thiệt hại liên quan cho Bên Mua theo sản lượngđiện thiếu hụt chậm bảo hành sửa chữa".* Và việc A đã ký hợp đồng sửa chữa với Công ty Đ1 là có căn cứ, vì vậy, yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận.

[6]. Không chấp nhận phần Alpha Seven yêu cầu VES bồi thường tiền chênh lệch sản lượng điện năm 2021.

Theo điểm h Khoản 2 Điều 7 về nghĩa vụ của VES quy định: *"Cam kết đảm bảo sản lượng điện năng dohệ thống tạo ra hằng năm đúng như hồ sơ báo giá"*.Ngoài ra, khoản 2 Điều 12 Hợp đồng 1706 quy định: *"Trường hợp:Sản lượng điện năng hằng năm do hệ thống tạo rakhông đạt theo đúng như cam kết của bên bán, doanhthu hằng năm bị giảm so với bảng thuyết minh báogiá ban đầu do bên công ty CP V1 tư vấn thiết kế vàđược bên mua phê duyệt, bên bán phải bồi thườngphần thiệt hại sản lượng thiếu hụt này cho bênmua".*Theo hợp đồng, các bên có thỏa thuận về sản lượng điện năng do hệ thống tạo ra, vậy nhưng V cho rằng sản lượng không đạt được là do lỗi của A7 bởi các tấm pin bể, pin bám bụi, điều kiện thời tiết không thuận lợi, Điện lực giảm phát.

Thấy rằng, đối với nhà máy Đ3 và nhà máy gỗ thì trong quá trình vận hành các dây cáp điện CXV bị người ngoài đột nhập cắt trộm; việc tháo dỡ 216 tấm pin mà VES và A7 thực hiện trong tháng 5/2021 cũng có phần ảnh hưởng đến sản lượng điện năng do hệ thống tạo ra, vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ. Riêng đối với Hội sở và nhà máy A2 trong quá trình vận hành thì sản lượng đạt được so với cam kết tại hợp đồng của các bên có thiếu hụt. Từ đó Tòa án sơ thẩm đã tính toán sản lượng thiếu hụt và buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 217.868.720 đồng gồm: bồi thường thiệt hại 201.730.296 đồng và tiền phạt là 16.138.424 đồng là có căn cứ.

[7] Từ những phân tích, nhận định như trên cùng ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, thấy rằng cần chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn công ty A1; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn công ty V1.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Do sửa bản án dân sự sơ thẩm cho nên cũng cần phải sửa lại phần án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp với quy định. Còn án phí phúc thẩm nguyên đơn không phải chịu; bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm.

[9] Các phần khác của bản án sơ thẩm xét xử phù hợp với quy định của pháp luật, không có kháng cáo hoặc kháng nghị của Viện kiểm sát nên được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 và Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn là Công ty Cổ phần T2; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2024/KDTM-ST ngày 28/8/2024 của Toà án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, cụ thể:

1.1. Sửa đổi giá trị Hợp đồng số 1706/2020/VES-HĐMB ngày 29/6/2020 sau khi tháo dỡ 216 tấm pin từ 21.500.000.000 đồng thành 20.880.944 đồng.

1.2. Buộc Công ty Cổ phần V1 phải trả cho Công ty Cổ phần T2 giá trị của 216 tấm pin tương đương với số tiền 619.056.000 đồng.

1.3. Buộc Công ty Cổ phần V1 phải trả cho Công ty Cổ phần T2 số tiền 788.615.276 đồng do chậm tiến độ vi phạm từ ngày 28/9/2020 đến ngày 20/11/2020.

1.4. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Cổ phần T2 về việc trả lại cho Công ty Cổ phần V1 216 tấm pin với thông số kỹ thuật như sau:

Xuất xứ: Trung Quốc; Loại M- H; Công suất 460 Wp; Hiệu suất 20.47%; Số busbar: 9; Số C: 156; Kích thước: 2182 x 1029 x 35mm; Model: JKM460-7RL3-V; Khối lượng: 25 K (Theo biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng ngày 11 và 12 tháng 12 năm 2020).

1.5. Sửa phần lãi suất áp dụng còn 10,095%/năm.

1.6. Không chấp nhận yêu cầu buộc Công ty Cổ phần T2 phải trả cho Công ty Cổ phần V1 số tiền phạt do vi phạm hợp đồng là 600.000.000 đồng.

Giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm số 18/2024/KDTM-ST ngày 28/8/2024 của Toà án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai về các nội dung sau:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về bồi thường thiệt hại do chậm tiến độ, buộc Công ty Cổ phần V1 phải trả cho Công ty Cổ phần T2 số tiền gồm:

- Tiền phạt 63.089.222 đồng do chậm tiến độ vi phạm từ ngày 28/9/2020 đến ngày 20/11/2020.

- Số tiền 312.664.765 đồng, trong đó: Tiền bồi thường là 289.504.412 đồng và tiền phạt là 23.160.353 đồng do chậm hoàn thành lắp đặt hệ thống từ 20/11/2020 đến ngày nghiệm thu, đưa vào sử dụng hệ thống điện mặt trời.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty Cổ phần V1 phải bồi thường cho Công ty Cổ phần T2 số tiền chênh lệch sản lượng năm 2021 là 217.868.720 đồng, trong đó: Số tiền bồi thường thiệt hại 201.730.296 và tiền phạt 16.138424 đồng; không chấp nhận phần yêu cầu bồi thường chênh lệch sản lượng năm 2021 là 249.318.739 đồng.

Buộc Công ty Cổ phần V1 phải bồi thường cho Công ty Cổ phần T2 thiệt hại do hành vi ngắt hoạt động của các Hệ thống ĐMTMN từ ngày 27/01/2022 đến ngày hệ thống điện hoạt động trở lại số tiền 4.350.157.204 đồng.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần V1;

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty Cổ phần V1.

Buộc Công ty Cổ phần T2 phải thanh toán cho Công ty Cổ phần V1 số tiền thanh toán đợt 3 là 7.500.000.000 đồng.

Buộc Công ty Cổ phần T2 có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần V1 tiền lãi do chậm thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền1.479.744.724 đồng; không chấp nhận phần yêu cầu về tiền lãi 2.318.214.891đồng.

Sau khi đối trừ nghĩa vụ của các bên, Công ty Cổ phần T2 còn phải trả cho Công ty Cổ phần V1 số tiền 2.628.293.542đồng (Hai tỷ, sáu trăm hai mươi tám triệu, hai trăm chín mươi ba nghìn, năm trăm bốn mươi hai đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Công ty Cổ phần T2 phải chịu án phí như sau:

Nguyên đơn phải chịu 12.465.937 đồng tiền án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, nguyên đơn phải chịu 116.979.745 đồng tiền án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm đối với phần yêu cầu phản tố của bị đơn được chấp nhận. Tổng cộng nguyên đơn phải chịu 129.445.682 đồng tiền án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm,nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 94.048.143 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001306 ngày 17/02/2022 và 28.500.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002779 ngày 15/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Công ty Cổ phần T2 phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.897.539 đồng (sáu triệu tám trăm chín mươi bảy triệu năm trăm ba mươi chín đồng).

3.2. Công ty Cổ phần V1 phải chịu án phí như sau:

Bị đơn phải chịu 114.351.451đồng tiền án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Bị đơn phải chịu 90.364.298 đồng tiền án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận. Tổng cộng bị đơn phải chịu: 204.715.749 đồng tiền án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm,nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 58.483.768 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0001473 ngày 25/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Công ty Cổ phần V1

phải nộp tiền 146.231.981 đồng (một trăm bốn mươi sáu triệu hai trăm ba mươi mốt ngàn chín trăm tám mươi mốt đồng).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Công ty Cổ phần T3 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả cho Công ty Cổ phần T2 2.000.000 đồng đã nộp theo biên lai số 000431 ngày 12/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Công ty Cổ phần V1 phải chịu 2.000.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 2.000.000 đồng đã nộp theo biên lai số 000435 ngày 13/9/2024của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Công ty cổ phần V1 đã nộp đủ án phí.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND TP Pleiku, tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS TP Pleiku, tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự, Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Anh Tuấn